

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 199 /2020/ HNGĐ-ST

Ngày: 08-9-2020

“V/v Ly hôn giữa chị T và anh P”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **TRẦN TÚ ANH**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **QUÁCH TRUNG SƠN**

2. Ông **TRẦN TRUNG NHÂN**

- Thư ký phiên tòa: Bà **ĐẶNG THỊ THUY DUNG** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 08 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 283/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp “Xin ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 177/2020/QĐXX-ST ngày 21 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Đỗ Ngọc Xuân T**, sinh năm 1995.

Địa chỉ: ấp M, xã Đ, huyện M, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Anh **Trần Văn P**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: ấp 3, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông **Đỗ Xuân T1**, sinh năm 1967.

2/ Bà **Lê Thị Thu K**, sinh năm 1968

Cùng địa chỉ: ấp Mỹ Thạnh, xã Phú Điền, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị T, ông T1 có mặt, anh P vắng mặt, bà K xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện chị Đỗ Ngọc Xuân T trình bày: Chị và anh P tổ chức hôn lễ năm 2013, đăng ký kết hôn năm 2015 tại UBND xã Đ. Thời gian đầu anh P cũng siêng năng làm việc nhưng sau đó tụ tập đi đá gà, cờ bạc, không lo làm ăn. Tháng 4/2018 anh P vỡ nợ bỏ trốn lên thành phố, cha mẹ chị phải vay tiền để trả nợ

cho anh P, chị cũng theo anh P lên thành phố làm việc nhưng anh P vẫn không sửa đổi. Bản thân chị và gia đình chồng cũng có mâu thuẫn nên không thể nào tiếp tục chung sống với anh P nữa.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Đỗ Ngọc N sinh ngày 01/5/2015, Trần Đỗ X, sinh ngày 05/6/2016, hiện do chị nuôi.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Chị T xin được ly hôn với anh P. Con chung chị yêu cầu nuôi, anh P phải cấp dưỡng nuôi con theo qui định pháp luật.

Yêu cầu anh P trả lại số tiền 50.000.000đồng mà cha chị đã vay tín chấp giải quyết nợ của anh P.

Tại phiên tòa, chị T yêu cầu được ly hôn anh P. Con chung yêu cầu nuôi anh P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng/ con chung. Tài sản chung, nợ chung không có. Đối với số tiền 50.000.000đồng chị yêu cầu anh P trả cho cha chị đây là nợ riêng của anh P.

- Bị đơn anh Trần Văn P dù được tổng đạt đầy đủ văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt và không có lời trình bày.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Xuân T1, bà Lê Thị Thu K tại tờ tự khai trình bày: Năm 2013 P và T kết hôn rồi về sống cùng ông bà ở xã Đ. Một thời gian sau vợ chồng T mượn căn nhà nhỏ để mua bán lẻ nhưng do buôn bán ế ẩm nên đã mượn căn nhà khác mở dịch vụ quay phim, chụp hình, nhạc sống. P nói máy hư nhờ ông vay tiền dùm, ông đã vay ngoài sau đó vay ngân hàng Liên Việt 70.000.000đồng. Lúc đầu P có gửi tiền đóng lãi và trả được 20.000.000đồng vốn. Tháng 4/2018 P mang nợ bỏ trốn, ông bà phải đứng ra trả tiền ngân hàng. Ông bà muốn khi giải quyết vụ án ly hôn hỏi xem P có thừa nhận nhờ ông bà vay tiền không và có đồng ý trả cho ông bà không, nếu P thừa nhận và hứa trả thì thôi, nếu P không thừa nhận ông bà sẽ kiện ra Tòa.

Tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa ông T1 xác định đây là nợ riêng của anh P đối với ông, ông không yêu cầu giải quyết số tiền nợ của anh P trong vụ án này, nếu có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện sau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Trần Văn P được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Thu K có đơn xin vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh P, bà K.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị T và anh P tiến đến hôn nhân năm 2013, đăng ký kết hôn năm 2015 trên cơ sở có sự tìm hiểu nhau trước. Tuy nhiên anh chị chỉ chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn làm cho tình cảm vợ chồng không còn. Nguyên nhân do anh P không lo làm ăn mà sa đà vào các tệ nạn cờ bạc dẫn đến nợ nần. Ngoài ra giữa chị T và gia đình anh P cũng có

mâu thuẫn làm cho tình cảm vợ chồng không còn. Qua xác nhận của chính quyền địa phương xác định hiện tại anh chị không còn sống chung, con do chị T nuôi. Đối với anh P dù được tổng đạt đầy đủ văn bản tố tụng nhưng vẫn không tham gia tố tụng tại Tòa và cũng không có ý kiến gì về việc chị T xin ly hôn. Từ đó cho thấy anh P không thiết tha đoàn tụ cùng chị T, tình cảm vợ chồng anh chị không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xem xét cho chị T được ly hôn với anh P là phù hợp điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân có 02 con chung tên Trần Đỗ Ngọc N sinh ngày 01/5/2015 và Trần Đỗ X, sinh ngày 05/6/2016 hiện đang sống cùng chị T. Xét thấy, các con chung đang được chị T nuôi dưỡng, các cháu vẫn phát triển bình thường. Do đó để tránh xáo trộn cuộc sống của con chung nên Hội đồng xét xử xem xét tiếp tục giao con chung cho chị Đỗ Ngọc Xuân T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng/cháu. Anh P không có ý kiến gì về mức cấp dưỡng chị T yêu cầu. Xét thấy, nghĩa vụ cấp dưỡng là trách nhiệm của người không trực tiếp nuôi con đối với con chung. Mức cấp dưỡng chị T yêu cầu cũng phù hợp với nhu cầu thiết yếu của các con chung hiện nay cũng như khả năng của anh P nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ riêng của anh P: Chị T yêu cầu anh P trả số tiền nợ 50.000.000đồng cho cha chị. Tuy nhiên, do anh P vắng mặt và phía cha chị T cũng không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu ly hôn được chấp nhận; anh P phải chịu án phí phần nghĩa vụ cấp dưỡng theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 227, 228, 244, 482 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu khởi kiện xin ly hôn của chị Đỗ Ngọc Xuân T.

1. Về hôn nhân: Cho chị Đỗ Ngọc Xuân T được ly hôn với anh Trần Văn P.

2. Về con chung:

2.1. Tiếp tục giao hai con chung là Trần Đỗ Ngọc N sinh ngày 01/5/2015 và Trần Đỗ Xc, sinh ngày 05/6/2016 cho chị Đỗ Ngọc Xuân T nuôi dưỡng.

2.2. Anh Trần Văn P phải cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 1.000.000đồng/ con cho đến khi cháu Trần Đỗ Ngọc N, Trần Đỗ X đủ 18 tuổi.

Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo qui định pháp luật.

3. Về án phí: Chị Đỗ Ngọc Xuân T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003463 ngày 20/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè xem như thi hành xong.

Anh Trần Văn P phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm phần nghĩa vụ cấp dưỡng.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

4.1. Bản án, quyết định về cấp dưỡng được thi hành ngay mặc dù có thể bị kháng cáo, khiếu nại, kháng nghị, kiến nghị.

4.2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh P chậm thi hành đối với số tiền thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự tương ứng thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

4.3. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đối với anh Trần Văn P, bà Lê Thị Thu K thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Riêng phần quyết định của bản án về cấp dưỡng được thi hành ngay mặc dù có thể bị kháng cáo, khiếu nại, kháng nghị, kiến nghị.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TRẦN TÚ ANH

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TRẦN TÚ ANH